

KẾ HOẠCH
Triển khai Mô hình chuyển đổi số cấp xã tỉnh Sơn La

Thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia; Kế hoạch số 01-KH/BCĐTW ngày 21/3/2025 của Ban Chỉ đạo Trung ương về triển khai Phong trào “Bình dân học vụ số”; Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia; Nghị định số 367/2025/NĐ-CP ngày 31/12/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 118/2025/NĐ-CP; Thông tư số 03/2025/TT-VPCP ngày 15/9/2025 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số nội dung của Nghị định số 118/2025/NĐ-CP; Quyết định số 1425/QĐ-TTg ngày 29/7/2026 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Khung kiến trúc tổng thể quốc gia số (phiên bản 1.0); Công văn số 2763/BKHCN-CĐSQG ngày 29/4/2026 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn triển khai Mô hình chuyển đổi số cấp xã; Quyết định số 597/QĐ-UBND ngày 02/3/2026 của UBND tỉnh ban hành Kế hoạch chuyển đổi số tỉnh Sơn La giai đoạn 2026-2030; Kế hoạch số 136/KH-UBND ngày 22/5/2025 của UBND tỉnh về triển khai Phong trào “Bình dân học vụ số” trên địa bàn tỉnh Sơn La.

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ tại Tờ trình số 322/TTr-SKHCN ngày 21/9/2026, Chủ tịch UBND tỉnh ban hành Kế hoạch triển khai Mô hình chuyển đổi số cấp xã tỉnh Sơn La như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Tổ chức triển khai đồng bộ Mô hình chuyển đổi số cấp xã, đưa hạ tầng số, nền tảng số, dữ liệu số và kỹ năng số đến từng thôn, bản, tiểu khu, tổ dân phố; lấy người dân làm trung tâm, lấy hiệu quả sử dụng làm thước đo, phục vụ thiết thực công tác quản lý địa bàn, cải cách hành chính, phát triển kinh tế số, xã hội số và bảo đảm an ninh, trật tự ở cơ sở.

- Hình thành “Điểm tiếp nhận và trả kết quả thủ tục hành chính, Bình dân học vụ số tại thôn, bản” thuộc Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã, đặt tại nhà văn hóa hoặc điểm sinh hoạt cộng đồng đủ điều kiện. Người dân được hướng dẫn, tiếp nhận hồ sơ, số hóa giấy tờ, nộp hồ sơ trực tuyến, theo dõi quá trình giải quyết và nhận kết quả tại điểm, không phải đi đến trụ sở xã đối với thủ tục thuộc phạm vi tiếp nhận; đồng thời được học kỹ năng số, sử dụng VNeID, thanh toán

số, truy xuất nguồn gốc, quảng bá sản phẩm và phòng, chống lừa đảo trên không gian mạng.

2. Yêu cầu

- Việc triển khai phải tuân thủ Khung kiến trúc tổng thể quốc gia số (phiên bản 1.0). Kiến trúc của Mô hình chuyển đổi số cấp xã là một thành phần của Khung kiến trúc Chính quyền số cấp tỉnh; các cấu phần triển khai đến thôn, bản là điểm phục vụ và kênh tương tác thuộc Mô hình cấp xã, không hình thành kiến trúc, nền tảng hoặc cơ sở dữ liệu độc lập ở thôn, bản.

- Triển khai phù hợp điều kiện miền núi, vùng sâu, vùng xa, biên giới, vùng đồng bào dân tộc thiểu số; có tài liệu trực quan, dễ hiểu và hỗ trợ bằng tiếng dân tộc khi cần thiết.

- Gắn trách nhiệm người đứng đầu; xác định sản phẩm, chỉ tiêu, tiến độ và cơ quan chịu trách nhiệm đến từng nhiệm vụ.

II. PHẠM VI, ĐỐI TƯỢNG VÀ THỜI GIAN THỰC HIỆN

1. Phạm vi

Triển khai tại 75 xã, phường của tỉnh và mở rộng đến các thôn, bản, tiểu khu, tổ dân phố. Giai đoạn đầu ưu tiên địa bàn biên giới, vùng đặc biệt khó khăn, vùng lõm sóng, địa bàn có đông đồng bào dân tộc thiểu số, địa bàn có sản phẩm OCOP hoặc vùng nguyên liệu, khu du lịch cộng đồng và địa bàn phức tạp về an ninh, trật tự.

2. Đối tượng

Cán bộ, công chức cấp xã; lực lượng Công an xã; thành viên Tổ công nghệ số cộng đồng; bí thư chi bộ, trưởng thôn, bản, tiểu khu, tổ dân phố; đoàn viên, hội viên; hợp tác xã, hộ kinh doanh và toàn thể người dân trên địa bàn tỉnh.

3. Thời gian

Triển khai từ khi Kế hoạch được ban hành đến hết năm 2030, trong đó chia thành ba giai đoạn:

- Giai đoạn 1: Chuẩn bị và thí điểm (đến 31/12/2026): Triển khai 12 điểm, gồm 06 điểm tại phường Chiềng Cơi và 06 điểm tại xã Chiềng Mung, từ nguồn tài trợ của Bưu điện tỉnh và Agribank. Phường Chiềng Cơi thí điểm mô hình đô thị; xã Chiềng Mung ưu tiên các bản xa trụ sở xã, đông dân cư, có nhu cầu hồ sơ lớn, đặc biệt địa bàn người dân phải di chuyển từ 30-50 km để thực hiện thủ tục hành chính.

- Giai đoạn 2: Mở rộng (năm 2027-2028): Mỗi xã, phường có ít nhất 01 Điểm Bình dân học vụ số hoạt động ổn định; nhân rộng đến các thôn, bản theo nhu cầu và điều kiện thực tế.

- Giai đoạn 3: Hoàn thiện (năm 2029-2030): Chuẩn hóa, liên thông dữ liệu, đánh giá hiệu quả; duy trì bền vững và nhân rộng các mô hình có tác động rõ ràng.

Chậm nhất ngày 20/01/2027, hoàn thành rà soát, cập nhật và ban hành Khung kiến trúc Chính quyền số tỉnh Sơn La phù hợp với Quyết định số 1425/QĐ-TTg; đồng thời xác định lộ trình xử lý các hạ tầng, hệ thống, nền tảng, cơ sở dữ

liệu và dịch vụ số chưa phù hợp hoặc trùng lặp, bảo đảm kế thừa tối đa kết quả đầu tư và tránh lãng phí nguồn lực.

III. MỤC TIÊU, CHỈ TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát: Xây dựng chính quyền số cấp xã hoạt động dựa trên dữ liệu; hình thành mạng lưới hỗ trợ công dân số đến thôn, bản; tạo chuyển biến đo được trong tiếp cận dịch vụ công, kỹ năng số, thương mại điện tử, thanh toán số, bảo đảm an ninh, an toàn và nâng cao chất lượng đời sống của người dân.

2. Chỉ tiêu

a) 100% xã, phường hoàn thành khảo sát hạ tầng, thiết bị, kết nối, nhân lực, nhu cầu và danh sách thôn, bản ưu tiên (hoàn thành sau 30 ngày kể từ ngày ban hành Kế hoạch).

b) 100% xã, phường ban hành kế hoạch chi tiết và đăng ký ít nhất 01 Điểm triển khai (hoàn thành sau 45 ngày kể từ ngày ban hành Kế hoạch).

c) 12 điểm: 06 điểm tại phường Chiềng Cơi và 06 điểm tại xã Chiềng Mung, do Bưu điện tỉnh và Agribank tài trợ (hoàn thành trước 31/12/2026).

d) Mỗi xã, phường có ít nhất 01 Điểm Bình dân học vụ số vận hành thường xuyên (hoàn thành trước 31/12/2027). Khuyến khích các xã, phường chủ động bố trí sớm hơn để phục vụ nhân dân trên cơ sở tham khảo mô hình tại xã Chiềng Mung và Phường Chiềng Cơi.

đ) 100% thành viên nòng cốt tại điểm được tập huấn tối thiểu 01 khóa và thực hành xử lý tình huống (hoàn thành trước khi vận hành chính thức).

e) 100% hồ sơ thuộc danh mục công bố được tiếp nhận, số hóa, chuyển xử lý và trả kết quả đúng quy trình; cấp giấy tiếp nhận, hẹn trả trên hệ thống (thực hiện thường xuyên).

g) Tại địa bàn thí điểm, phân đầu ít nhất 70% hộ có 01 thành viên biết sử dụng các dịch vụ số thiết yếu và phòng tránh lừa đảo số (hoàn thành năm 2027).

h) 100% hợp tác xã, chủ thể OCOP và hộ kinh doanh tham gia mô hình được hướng dẫn mã QR, thanh toán số, hóa đơn/thuế điện tử và quảng bá trực tuyến phù hợp (hoàn thành năm 2027).

i) 100% điểm công khai quy tắc bảo vệ dữ liệu cá nhân; thiết bị dùng chung được cấu hình an toàn, có nhật ký vận hành và đầu mối xử lý sự cố (thực hiện thường xuyên).

k) 100% mô hình có số liệu đầu vào, kết quả đầu ra và mức độ hài lòng (thực hiện đánh giá 6 tháng/lần).

l) Hoàn thành cập nhật Khung kiến trúc Chính quyền số tỉnh; 100% nhiệm vụ, dự án mới có bảng đối chiếu tuân thủ kiến trúc (hoàn thành chậm nhất 20/01/2027 và cập nhật thường xuyên khi có thay đổi).

IV. PHÂN CÔNG TRÁCH NHIỆM CÁC CẤP

1. Thực hiện theo Hướng dẫn tại Công văn số 5586/UBND-KGVX ngày 29/7/2026 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc xác định, phân định phạm vi, trách nhiệm triển khai Mô hình chuyển đổi số cấp xã giữa Trung ương, cấp tỉnh và cấp xã trên địa bàn tỉnh Sơn La.

2. UBND cấp xã quyết định bố trí Điểm tiếp nhận và trả kết quả thủ tục hành chính của Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã tại thôn, bản trên cơ sở khoảng cách đến trụ sở xã, diện tích tự nhiên, quy mô dân số, điều kiện kinh tế - xã hội và số lượng hồ sơ. Điểm là bộ phận hoạt động theo quy chế của Trung tâm, được kết nối Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính; thực hiện hướng dẫn, tiếp nhận, kiểm tra, số hóa, chuyển hồ sơ, thu phí, lệ phí theo quy định, theo dõi và trả kết quả. Thẩm quyền giải quyết vẫn thuộc cơ quan, người có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

3. Đối với địa bàn nông thôn, miền núi, biên giới, ưu tiên triển khai các thành phần KTT15, KTT16, KTT19, KTT20, KTT21 và KTT22 theo Khung kiến trúc tổng thể quốc gia số, gồm: nhóm tương tác số thôn, bản; kênh phổ biến thông tin sản xuất và tiêu thụ sản phẩm địa phương; điểm hỗ trợ dịch vụ số tại cộng đồng; điểm cung cấp dịch vụ công lưu động; hệ thống truyền thanh số; hỗ trợ người dân sử dụng dịch vụ công trực tuyến. Đây là các kênh tương tác hỗ trợ, do UBND tỉnh lựa chọn, tổ chức triển khai; cấp xã khai thác, sử dụng theo phân cấp trên nền tảng do Trung ương và tỉnh cung cấp.

4. Việc bố trí điểm thực hiện đầy đủ nghiệp vụ Tiếp nhận và trả kết quả tại thôn, bản chỉ được thực hiện sau khi cấp có thẩm quyền phê duyệt phương án tổ chức, danh mục thủ tục, quy trình, nhân sự, tài khoản phân quyền, việc thu phí, lệ phí và quản lý hồ sơ. Khi chưa đáp ứng đủ điều kiện, điểm hoạt động với chức năng hỗ trợ dịch vụ số tại cộng đồng hoặc điểm cung cấp dịch vụ công lưu động, hướng dẫn người dân tự nộp hồ sơ trực tuyến; không giao người chưa được phân công, ủy quyền và cấp tài khoản thực hiện việc tiếp nhận hồ sơ, thu phí, lệ phí hoặc trả kết quả.

V. NỘI DUNG, NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM

1. Rà soát phủ sóng băng rộng cố định, 4G, 5G; nguồn điện; nhà văn hóa; thiết bị; nhân lực; dân số; ngôn ngữ; nhóm yếu thế; nhu cầu dịch vụ công, học tập, sản xuất, kinh doanh và an ninh, trật tự. Kết quả được cập nhật trên IOC của tỉnh.

2. Xây dựng Điểm Tiếp nhận và trả kết quả gắn với Bình dân học vụ số. Tận dụng Nhà văn hóa, Điểm sinh hoạt cộng đồng hoặc Bưu điện văn hóa đủ điều kiện. Điểm thuộc Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã, có biển nhận diện, kết nối Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính, thiết bị số hóa, tài khoản phân quyền, nội quy, lịch làm việc, cán bộ thực hiện nhiệm vụ và phương án bảo quản hồ sơ, kết quả. Ngoài thời gian tiếp nhận thủ tục hành chính, Điểm tổ chức phổ cập kỹ năng số cho người dân.

3. Phổ cập kỹ năng số theo nhu cầu, tập trung vào các nội dung như: Dùng điện thoại thông minh; VNeID; dịch vụ công trực tuyến; thanh toán không dùng

tiền mặt; kỹ năng tìm kiếm, học trực tuyến; sử dụng AI an toàn; bảo vệ dữ liệu cá nhân; nhận diện lừa đảo; kỹ năng số cho sản xuất nông nghiệp, kinh doanh và du lịch cộng đồng.

4. Tiếp nhận, số hóa, chuyển xử lý và trả kết quả tại bản. Cán bộ, công chức, viên chức hoặc nhân sự được bố trí hợp pháp tại Điểm thực hiện: Công khai danh mục thủ tục; hướng dẫn, kiểm tra tính đầy đủ, hợp lệ; tiếp nhận trực tiếp hoặc hỗ trợ nộp trực tuyến; số hóa hồ sơ; cấp Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả; chuyển hồ sơ điện tử, hồ sơ giấy đến cơ quan có thẩm quyền; theo dõi, thông báo trạng thái; thu phí, lệ phí và nghĩa vụ tài chính theo quy định; trả kết quả điện tử, trực tiếp tại điểm hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích theo lựa chọn của người dân. Công an xã phối hợp nội dung Đề án 06, VNeID, xác thực và cảnh báo lừa đảo. Không ghi chép, lưu mật khẩu, mã OTP hoặc thông tin tài khoản ngân hàng của người dân.

5. Thiết lập kênh thông tin số của xã, thôn, bản trên nền tảng phù hợp; xác thực đầu mối quản trị; phổ biến thông tin chính thống, lịch tiếp dân, cảnh báo thiên tai, dịch bệnh, an ninh; tiếp nhận phản ánh và chống tin giả.

6. Hỗ trợ hợp tác xã, chủ thể OCOP, hộ sản xuất và kinh doanh tạo mã QR, nhật ký sản xuất số, truy xuất nguồn gốc, gian hàng số, nội dung số, livestream; kết nối logistics, thanh toán số, eTax Mobile, hóa đơn điện tử và phần mềm quản lý bán hàng.

7. Chuẩn hóa dữ liệu cơ bản về dân cư theo thẩm quyền, hộ nghèo, an sinh, đất đai, vùng sản xuất, sản phẩm, du lịch, hạ tầng và rủi ro thiên tai; khai thác từ nguồn có thẩm quyền, không yêu cầu thôn, bản tự lập cơ sở dữ liệu cá nhân độc lập.

8. Cấu hình tài khoản phân quyền, cập nhật phần mềm, chống mã độc, sao lưu, nhật ký sử dụng; hướng dẫn xử lý sự cố; kiểm tra định kỳ. Camera hoặc thiết bị giám sát chỉ triển khai khi có mục tiêu, phạm vi, thẩm quyền, quy chế quản lý dữ liệu và phương án bảo vệ quyền riêng tư rõ ràng.

9. Biên soạn tài liệu trực quan, video ngắn, hướng dẫn bằng tiếng dân tộc phù hợp địa bàn; bố trí thời gian hỗ trợ người cao tuổi, người khuyết tật, người ít kỹ năng số và hộ chưa có thiết bị thông minh.

10. Đánh giá, lựa chọn và nhân rộng, thông kê số người học hoàn thành, số giao dịch số tự thực hiện, hồ sơ trực tuyến, hộ kinh doanh áp dụng, phản ánh được xử lý, sự cố an toàn thông tin và mức độ hài lòng; thực hiện nhân rộng mô hình có hiệu quả và có phương án vận hành bền vững.

11. Lập danh mục, mã hóa và đối chiếu từng câu phần của Kế hoạch với 04 lớp kiến trúc: hạ tầng số và an ninh mạng; dữ liệu và nền tảng lõi; ứng dụng và nghiệp vụ; kênh tương tác và đo lường hiệu quả; đồng thời xác định rõ hai thành phần xuyên suốt là vận hành - quản trị và nguồn lực - nhân lực. Thực hiện đánh giá tuân thủ ngay từ khâu đề xuất, lập, thẩm định, phê duyệt, nghiệm thu, nâng cấp và vận hành nhiệm vụ, dự án.

12. Cấu phần ưu tiên cho nông thôn, miền núi và biên giới. Tổ chức lựa chọn theo nhu cầu thực tế các giải pháp y tế từ xa, học trực tuyến, hỗ trợ trực tiếp nhóm yếu thế, quảng bá du lịch cộng đồng, thương mại điện tử đặc sản địa phương, truy xuất nguồn gốc và hỗ trợ hợp tác xã. Việc lựa chọn phải tránh trùng lặp nền tảng dùng chung, bảo đảm khả năng tích hợp, chia sẻ dữ liệu, an ninh mạng và hiệu quả vận hành.

VI. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Hạ tầng và thiết bị: Ưu tiên nâng cao chất lượng kết nối, tận dụng trang thiết bị hiện có, điều chuyển tài sản phù hợp và dùng chung. Chỉ đầu tư mới theo kết quả khảo sát, định mức, tiêu chuẩn và khả năng vận hành; có nguồn điện dự phòng tại địa bàn cần thiết. Đối với vùng sâu, vùng xa, biên giới chưa đáp ứng điều kiện kết nối, được nghiên cứu giải pháp thay thế phù hợp như kết nối vệ tinh, Điểm hỗ trợ số hoặc dịch vụ công lưu động; thiết bị đầu cuối, Wi-Fi, IoT, truyền thanh và camera phải được quản lý tập trung, bảo đảm an ninh mạng, bảo vệ dữ liệu và quyền riêng tư.

2. Nền tảng và dữ liệu: Sử dụng Nền tảng Bình dân học vụ số quốc gia do Bộ Công an quản lý; tích hợp đăng nhập, thống kê và xác nhận kết quả khi đủ điều kiện. Công Dịch vụ công quốc gia và Ứng dụng VNeID là hai kênh tương tác chính; Điểm hỗ trợ tại cộng đồng và dịch vụ lưu động là kênh bổ trợ để bảo đảm bao trùm số.

3. Nguồn nhân lực và thời gian làm việc: Nhân sự tiếp nhận, số hóa và trả kết quả phải là cán bộ, công chức, viên chức hoặc nhân sự doanh nghiệp cung ứng dịch vụ bưu chính công ích, doanh nghiệp cung ứng dịch vụ được bố trí theo quy định. UBND xã bố trí lịch cố định tối thiểu 02 ngày/tuần hoặc lịch lưu động phù hợp nhu cầu; niêm yết công khai. Tổ công nghệ số cộng đồng, Công an xã, đoàn thanh niên và Trưởng bản phối hợp tuyên truyền, hướng dẫn (không tự thực hiện nghiệp vụ tiếp nhận hồ sơ khi chưa được giao nhiệm vụ, phân quyền tài khoản).

4. Đẩy mạnh truyền thông: Công khai lịch học, đầu mối hỗ trợ, kết quả thực hiện; nhân rộng câu chuyện thật về người dân tự nộp dịch vụ công, bán hàng số, thanh toán số và tránh được lừa đảo.

5. Xã hội hóa nguồn lực về tài chính: Tiếp nhận nguồn tài trợ của Bưu điện tỉnh và Agribank chi nhánh tỉnh Sơn La để hình thành 12 điểm thí điểm, gồm 06 điểm tại phường Chiềng Cơi và 06 điểm tại xã Chiềng Mung. Việc tiếp nhận, xác lập quyền sở hữu toàn dân, bàn giao, hạch toán và quản lý tài sản thực hiện đúng quy định; công khai danh mục, giá trị, hiện trạng và đơn vị quản lý. Tài trợ không kèm điều kiện độc quyền sản phẩm, dịch vụ, tài khoản thanh toán hoặc thu thập dữ liệu người dân trái quy định.

6. Kiểm tra, giám sát: Tổ chức kiểm tra trực tuyến kết hợp trực tiếp. Xử lý kịp thời thiết bị không sử dụng, điểm hoạt động hình thức hoặc vi phạm an toàn dữ liệu. Dữ liệu đo lường được thu thập tự động từ hệ thống thông tin, nền tảng số ở mức tối đa có thể; hạn chế tổng hợp, báo cáo thủ công.

VII. KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Kinh phí thực hiện được bố trí từ ngân sách nhà nước theo phân cấp ngân sách hiện hành; nguồn kinh phí lồng ghép từ các chương trình, đề án, dự án có liên quan; nguồn xã hội hóa, tài trợ và các nguồn hợp pháp khác.

2. Việc lập, thẩm định, phê duyệt, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí; đầu tư, mua sắm, thuê dịch vụ công nghệ số phải tuân thủ pháp luật về ngân sách nhà nước, đầu tư công, đấu thầu, quản lý tài sản công và pháp luật có liên quan. Ưu tiên thuê dịch vụ, tái sử dụng hạ tầng và dữ liệu dùng chung theo quy định để giảm đầu tư phân tán, trùng lặp và chi phí vận hành.

3. Sở Tài chính hướng dẫn thủ tục tiếp nhận tài trợ của Bưu điện tỉnh và Agribank chi nhánh tỉnh Sơn La, xác lập, bàn giao và quản lý tài sản; rà soát nguồn lực và khả năng cân đối kinh phí vận hành. Ngân sách nhà nước ưu tiên cho kết nối, nền tảng dùng chung, đào tạo và bảo đảm an toàn thông tin; không mua sắm trùng lặp với thiết bị được tài trợ và không phê duyệt mua sắm đại trà khi chưa đánh giá hiệu quả thí điểm.

VIII. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Khoa học và Công nghệ

- Chủ trì tham mưu tổ chức thực hiện Kế hoạch; ban hành biểu mẫu và chế độ báo cáo cho UBND xã, phường; quản lý nền tảng dùng chung; tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh và Bộ Khoa học và Công nghệ.

- Chủ trì rà soát, cập nhật Khung kiến trúc Chính quyền số tỉnh Sơn La, trình cấp có thẩm quyền ban hành chậm nhất ngày 20/01/2027; xây dựng danh mục mã thành phần kiến trúc, hướng dẫn đánh giá và giám sát tuân thủ đối với toàn bộ nhiệm vụ, dự án thuộc Kế hoạch.

2. Công an tỉnh: Triển khai nội dung Đề án 06, VNeID, công dân số, an ninh mạng và an ninh cơ sở; hướng dẫn Công an xã phối hợp tại Điểm; bảo đảm an toàn, xác thực và khai thác dữ liệu đúng thẩm quyền. Trình dự thảo Đề án trong 45 ngày kể từ ngày ban hành Kế hoạch.

3. Văn phòng UBND tỉnh (Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh): Hướng dẫn nghiệp vụ một cửa, danh mục thủ tục tiếp nhận tại Điểm, quy trình tiếp nhận không phụ thuộc địa giới hành chính, số hóa, luân chuyển và trả kết quả; phối hợp cấp tài khoản, kết nối hệ thống, kiểm tra chất lượng phục vụ và tổng hợp chỉ số giải quyết thủ tục hành chính.

4. Sở Tài chính: Hướng dẫn xây dựng dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí theo quy định của pháp luật; phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan thẩm định phương án đầu tư, thuê dịch vụ, mua sắm, quản lý tài sản và chi phí vận hành theo quy định.

5. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch: Hướng dẫn sử dụng Nhà văn hóa, thiết chế văn hóa làm Điểm Bình dân học vụ số; phát triển nội dung văn hóa số, du lịch số; bảo đảm không ảnh hưởng chức năng sinh hoạt cộng đồng.

6. Sở Nông nghiệp và Môi trường: Hướng dẫn dữ liệu vùng sản xuất, nhật ký số, truy xuất nguồn gốc, thương mại sản phẩm nông nghiệp; tích hợp cảnh báo thiên tai, môi trường và hỗ trợ chủ thể OCOP.

7. Sở Công Thương: Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị, địa phương triển khai mô hình Chợ số - Nông thôn số; hướng dẫn, hỗ trợ hợp tác xã, hộ sản xuất, kinh doanh ứng dụng thương mại điện tử, xây dựng gian hàng số, quảng bá, tiêu thụ sản phẩm trên môi trường số, ứng dụng các giải pháp số phục vụ hoạt động kinh doanh; phối hợp triển khai thanh toán không dùng tiền mặt và các nội dung có liên quan.

8. Thuế tỉnh Sơn La: Chủ trì hướng dẫn, triển khai eTax Mobile, hóa đơn điện tử và tuân thủ thuế.

9. Sở Giáo dục và Đào tạo: Phối hợp xây dựng học liệu, huy động giáo viên và học sinh có kỹ năng số hỗ trợ cộng đồng; hướng dẫn khai thác phòng học số, thư viện số và học tập suốt đời.

10. Sở Y tế: Chủ trì hướng dẫn triển khai dịch vụ y tế từ xa, tư vấn sức khỏe và phổ cập kỹ năng sử dụng dịch vụ y tế số tại các điểm thuộc địa bàn miền núi, vùng sâu, vùng xa, biên giới; bảo đảm đúng phạm vi chuyên môn, bảo vệ dữ liệu sức khỏe và dữ liệu cá nhân.

11. Sở Nội vụ: Hướng dẫn bố trí, bồi dưỡng nhân lực số; lồng ghép kết quả thực hiện vào đánh giá trách nhiệm người đứng đầu, thi đua, khen thưởng theo quy định.

12. Đề nghị Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh tỉnh, Hội Liên hiệp Phụ nữ, Hội Nông dân và các đoàn thể: Tổ chức lực lượng “Đại sứ số”, hỗ trợ hộ gia đình, người cao tuổi, phụ nữ, nông dân; xây dựng mô hình “Gia đình số”, “Chợ số - Nông thôn số”; tham gia giám sát chất lượng hỗ trợ.

13. Bưu điện tỉnh và Agribank chi nhánh tỉnh Sơn La: Thực hiện tài trợ thiết bị, hạ tầng và các điều kiện đã cam kết cho 12 điểm thí điểm, gồm 06 điểm tại phường Chiềng Cơi và 06 điểm tại xã Chiềng Mung; phối hợp khảo sát, lắp đặt, bàn giao, hướng dẫn sử dụng, bảo hành và hỗ trợ vận hành. Việc tài trợ phải công khai, tự nguyện, không gắn độc quyền dịch vụ, không yêu cầu người dân mở tài khoản hoặc cung cấp dữ liệu ngoài nhu cầu giải quyết thủ tục hành chính.

14. Doanh nghiệp viễn thông, bưu chính, ngân hàng và công nghệ số: Phối hợp khảo sát, xóa vùng lõm sóng, hỗ trợ kết nối, thiết bị và đào tạo; giải pháp phải tuân thủ kiến trúc số, tiêu chuẩn mở, an toàn thông tin và bảo vệ dữ liệu; không trùng lặp nền tảng dùng chung.

15. UBND phường Chiềng Cơi và UBND xã Chiềng Mung: Tổ chức 12 điểm thí điểm, mỗi đơn vị 06 điểm; quyết định bố trí các Điểm Tiếp nhận và trả kết quả của Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã; lựa chọn địa điểm theo khoảng cách, dân số và nhu cầu hồ sơ; công bố danh mục thủ tục, lịch làm việc và nhân sự; tiếp nhận, quản lý tài sản tài trợ; bảo đảm kết nối hệ thống; báo cáo hàng

tháng. Xã Chiềng Mung ưu tiên bản cách xa trụ sở xã, giảm tối đa việc người dân phải di chuyển 30-40 km.

16. UBND các xã, phường còn lại: Khảo sát đến từng thôn, bản; lập danh sách địa bàn cần bố trí Điểm; chuẩn bị điều kiện nhân rộng sau khi có kết quả đánh giá 12 điểm thí điểm tại phường Chiềng Cơi và xã Chiềng Mung.

Trên đây là Kế hoạch triển khai Mô hình chuyển đổi số cấp xã tỉnh Sơn La. Đề nghị các cơ quan đoàn thể và yêu cầu các đơn vị có liên quan khẩn trương triển khai thực hiện. Trong quá trình thực hiện, nếu phát sinh khó khăn, vướng mắc, kịp thời gửi Sở Khoa học và Công nghệ tổng hợp, báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh để xem xét, chỉ đạo./.

Nơi nhận:

- Bộ Khoa học và Công nghệ (b/c);
- Thường trực Tỉnh ủy (b/c);
- Thường trực HĐND tỉnh (b/c);
- Thường trực Đảng ủy UBND tỉnh;
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Như mục IX Kế hoạch;
- Đảng ủy các xã, phường;
- Văn phòng UBND tỉnh (*Lãnh đạo, Trung tâm Phục vụ hành chính công*);
- Lưu: VT, KGVX, Đại.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Đặng Ngọc Hậu

Phụ lục I
DANH MỤC MÔ HÌNH CHUYỂN ĐỔI SỐ CẤP XÃ ĐẾN THÔN, BẢN

STT	Mô hình	Chủ trì	Phối hợp	Sản phẩm
1	Nền tảng/Trang số cấp xã	Sở Khoa học và Công nghệ	UBND xã, doanh nghiệp	Trang số hoặc miniapp dùng chung; không xây ứng dụng riêng lẻ
2	Bản đồ dữ liệu số địa bàn	UBND xã	Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Nông nghiệp và Môi trường, Công an tỉnh	Bản đồ phục vụ chỉ đạo; dữ liệu đúng thẩm quyền
3	Cộng đồng số chính thống	UBND xã	Tổ Công nghệ số cộng đồng, Đoàn thể	Kênh thông tin xác thực đến thôn, bản
4	Điểm tiếp nhận và trả kết quả gắn với Bình dân học vụ số	UBND xã, Trung tâm PVHCC xã	Văn phòng UBND tỉnh, Sở Khoa học và Công nghệ, Công an tỉnh	Tiếp nhận, số hóa, chuyển xử lý, trả kết quả tại bản; có lịch và nhân sự đúng quy định
5	VNeID và dịch vụ công tại cộng đồng	Công an tỉnh, UBND xã	Sở Khoa học và Công nghệ, Trung tâm PVHCC	Xác thực, hỗ trợ dịch vụ công; không lưu mật khẩu/OTP
6	Chợ số - Nông thôn số	(1) Sở Công thương chủ trì các nội dung thuộc lĩnh vực thương mại điện tử, chợ số, gian hàng số, quảng bá, tiêu thụ sản phẩm và ứng dụng phần mềm quản lý bán hàng; (2) Ngân hàng Nhà nước khu vực 3 chủ trì nội dung về thanh toán số; (3) Thuế tỉnh chủ trì nội dung về eTax, hóa đơn điện tử	UBND xã	QR, thanh toán số, eTax, hóa đơn điện tử, quản lý bán hàng

STT	Mô hình	Chủ trì	Phối hợp	Sản phẩm
7	Nông nghiệp số và truy xuất nguồn gốc	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Sở Công thương, UBND xã	Nhật ký số, mã QR, dữ liệu vùng trồng, gian hàng số
8	Du lịch cộng đồng số	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	UBND xã, doanh nghiệp	Bản đồ điểm đến, nội dung số, đặt dịch vụ phù hợp
9	Phòng học số cộng đồng	Sở Giáo dục và Đào tạo	Sở Khoa học và Công nghệ, UBND xã	Thiết bị dùng chung, học liệu, lớp học trực tuyến
10	An ninh và cảnh báo số cơ sở	Công an tỉnh	UBND xã, Sở Khoa học và Công nghệ	Cảnh báo lừa đảo, phản ánh ANTT, quy trình sự cố
11	Y tế từ xa tại cộng đồng	Sở Y tế	UBND xã, doanh nghiệp	Tư vấn, kết nối y tế từ xa; hướng dẫn sử dụng dịch vụ y tế số; bảo vệ dữ liệu sức khỏe
12	Học trực tuyến và hỗ trợ nhóm yếu thế	Sở Giáo dục và Đào tạo	Sở Y tế, Đoàn thể, UBND xã	Học trực tuyến; hỗ trợ người cao tuổi, người khuyết tật và người thiếu kỹ năng số

Phụ lục II
DANH MỤC THIẾT BỊ TỐI THIỂU VÀ QUY TẮC VẬN HÀNH ĐIỂM

STT	Nhóm	Yêu cầu tối thiểu	Ghi chú
1	Kết nối	Cáp quang hoặc 4G/5G đủ chất lượng; Wi-Fi quản trị được; ưu tiên dùng đường truyền sẵn có	Bắt buộc
2	Thiết bị hiển thị	01 TV/màn hình từ 55 inch hoặc máy chiếu và màn chiếu phù hợp không gian	Tận dụng trước
3	Máy tính	Tối thiểu 02 máy tính; cấu hình theo hướng dẫn hiện hành; bản quyền và cập nhật an toàn	Theo nhu cầu
4	Thiết bị họp/học	Webcam, loa, micro; thiết bị bảo đảm nghe, nhìn rõ	Theo nhu cầu
5	Thiết bị nghiệp vụ một cửa	01 máy in/scan đa chức năng; thiết bị đọc mã QR, ký số và phụ trợ theo yêu cầu hệ thống; quản lý giấy, bản chụp và kết quả đúng quy định	Bắt buộc tại Điểm tiếp nhận
6	Nguồn điện	Ổn áp/chống sét; UPS hoặc nguồn dự phòng tại địa bàn điện không ổn định	Theo khảo sát
7	Bảo mật	Tài khoản phân quyền, chống mã độc, cập nhật, khóa màn hình, xóa dữ liệu phiên làm việc; thiết bị đầu cuối, Wi-Fi, IoT, truyền thanh và camera được quản lý tập trung, có nhật ký và đầu mối xử lý sự cố	Bắt buộc
8	Phụ trợ	Bàn ghế, tủ khóa, biển Điểm, nội quy, mã QR tài liệu, sổ bàn giao	Tận dụng trước

*** Quy tắc vận hành bắt buộc:**

- UBND xã, phường quyết định địa điểm, giao đơn vị/cá nhân quản lý; lập hồ sơ tài sản, nhật ký sử dụng, bảo trì và xử lý hỏng hóc.
- Công khai lịch hoạt động, đầu mối liên hệ, danh mục dịch vụ hỗ trợ và nội quy bảo vệ dữ liệu.
- Người hỗ trợ chỉ hướng dẫn để người dân tự thao tác; không giữ điện thoại, mật khẩu, mã OTP, tài khoản ngân hàng hoặc giấy tờ gốc. Sau mỗi phiên sử dụng phải đăng xuất, xóa tệp tạm, kiểm tra lịch sử tải xuống và khóa thiết bị.
- Không thu phí người dân, trừ dịch vụ được cơ quan có thẩm quyền cho phép và phải niêm yết công khai.
- Không cài phần mềm lạ, không dùng USB không kiểm soát, không chia sẻ tài khoản quản trị, không tự kết nối camera hoặc dữ liệu ngoài danh mục.
- Mỗi tháng đánh giá số lượt hỗ trợ, kết quả thực hành, mức độ hài lòng, sự cố và đề xuất điều chỉnh.

Phụ lục III
TIẾN ĐỘ VÀ SẢN PHẨM CHỦ YẾU

STT	Nhiệm vụ	Chủ trì	Phối hợp	Thời hạn	Sản phẩm
1	Khảo sát đến thôn, bản	UBND xã	Doanh nghiệp viễn thông, Tổ CNSCĐ	30 ngày	Cơ sở dữ liệu hiện trạng
2	Đề xuất danh mục Điểm và nhu cầu	UBND xã	Thôn, bản	45 ngày	Hồ sơ đề xuất có thứ tự ưu tiên
3	Hoàn thiện Đề án thành phần	Công an tỉnh	Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Tài chính	45 ngày	Hồ sơ Đề án, dự toán, quy chế
4	Thẩm định và bố trí Điểm thí điểm	Sở Khoa học và Công nghệ	VP UBND tỉnh, Công an tỉnh	60 ngày	12 điểm: Chiềng Còi 06, Chiềng Mung 06
5	Đào tạo lực lượng nòng cốt	Sở Khoa học và Công nghệ	Công an tỉnh, Đoàn thể	Trước vận hành	100% tổ vận hành được tập huấn
6	Vận hành thí điểm	UBND xã	Các sở, doanh nghiệp	Đến 31/12/2026	Điểm hoạt động, dữ liệu kết quả
7	Đánh giá và nhân rộng	Sở Khoa học và Công nghệ	Công an tỉnh, UBND xã	Quý I/2027 và hằng năm	Báo cáo, phương án mở rộng
8	Rà soát, cập nhật Khung kiến trúc Chính quyền số tỉnh	Sở Khoa học và Công nghệ	Công an tỉnh, VP UBND tỉnh, các sở, UBND xã	29/01/2027	Khung kiến trúc được ban hành; danh mục mã thành phần và hướng dẫn tuân thủ
9	Kết nối dashboard và tự động hóa số liệu đánh giá	Sở Khoa học và Công nghệ	VP UBND tỉnh, Công an tỉnh, UBND xã	Năm 2027	Chỉ tiêu được thu thập tự động ở mức tối đa; giảm báo cáo thủ công

Phụ lục IV
PHIẾU KHẢO SÁT VÀ ĐỀ XUẤT ĐIỂM BÌNH DÂN HỌC VỤ SỐ

STT	Nội dung khảo sát	Kết quả/đề xuất
1	Tên xã/phường; tên thôn, bản, tiểu khu, tổ dân phố; khoảng cách đến trụ sở xã	
2	Địa điểm dự kiến; đơn vị quản lý; tình trạng pháp lý địa điểm	
3	Dân số, số hộ; nhóm dân tộc; ngôn ngữ hỗ trợ cần thiết	
4	Tình trạng điện, cáp quang, 4G/5G, Wi-Fi; vùng lõm sóng	
5	Thiết bị hiện có, tình trạng sử dụng, năm đưa vào dùng	
6	Số thành viên Tổ CNSCĐ; Công an xã; đoàn viên; giáo viên; người có kỹ năng	
7	Số hồ sơ TTHC/tháng; thủ tục phát sinh nhiều; nhu cầu VNeID, học tập, bán hàng, thanh toán, truy xuất, an ninh	
8	Hợp tác xã, chủ thẻ OCOP, hộ kinh doanh, điểm du lịch có thể tham gia	
9	Thiết bị/kết nối còn thiếu; số lượng; lý do; phương án dùng chung	
10	Nguồn kinh phí dự kiến; nguồn xã hội hóa; chi phí vận hành hằng năm	
11	Sản phẩm đầu ra và chỉ tiêu 03 tháng, 06 tháng	
12	Rủi ro về dữ liệu, an ninh, tài sản, nhân lực và phương án xử lý	
13	Thành phần kiến trúc dự kiến; nền tảng Trung ương/Tỉnh sẽ khai thác; nhu cầu cấu phần bổ sung; phương án kết nối, chia sẻ dữ liệu	